TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2019
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Lê Văn Cư.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐHPT ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Anh **Vũ Đình C**, sinh năm 1980.

Đều ĐKHKTT và hiện cư trú tại: Số 192 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị N có mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Vũ Đình C được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì hai bên gia đình tổ C lễ cưới và về chung sống với nhau từ ngày 30 tháng 11 năm 1998 nhưng vì lý do cá nhân nên ngày 21 tháng 4 năm 2006 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi về chung sống cùng nhau vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau. Anh C có biểu hiện không chung thủy, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên chửi bới xúc phạm chị một cách thậm tệ. Có lần anh C đánh chị và

đập phá đồ đạc trong nhà gây ầm ĩ khu phố. Tuy nhiên chị cũng cố gắng chịu đựng không trình báo chính quyền địa phương can thiệp. Đến nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh C không còn. Gia đình hai bên đều khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng việc ai người ấy làm không ai quan tâm đến ai. Do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Chị xác định chữ ký, chữ viết trong đơn xin ly hôn ngày 11/3/2019 là của anh C. Việc anh C có quan hệ với người khác chị chỉ nghe nói vậy nhưng không có căn cứ chứng minh nên không đề nghị gì về vấn đề này.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ch, sinh ngày 22/9/1999, cháu Vũ Đình Ph, sinh ngày 09/01/2008. Hiện cháu Ch đã trưởng thành đủ 18 tuổi tự lo liệu cuộc sống nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nay vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi cháu Ph cho đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng không có công sức đóng góp đối với gia đình hai bên.

Anh C vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh C xác định anh đã ký đơn ly hôn để chị N giao nộp cho Tòa án, anh không phải là tội phạm nên không phải khai báo và đến Tòa án làm việc. Anh đề nghị Tòa án căn cứ đơn ly hôn của chị N để giải quyết theo nguyện vọng của chị N.

Lời khai ông Đinh Văn Q, những người hàng xóm nơi chị N, anh C cư trú, xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị N, anh C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có biểu hiện không chung thủy dẫn đến chị N không tin tưởng, ghen tuông, thường xuyên nghi ngờ nhau. Vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau, có lần anh C còn đập phá đồ đạc trong nhà. Tuy nhiên chị N đều chịu đựng nên không báo cáo chính quyền địa phương can thiệp lần nào. Vợ chồng chị N, anh C có hai con là Vũ Thị Ch, sinh ngày 22/9/1999, cháu Vũ Đình Ph, sinh ngày 09/01/2008. Vợ chồng có tài sản, nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên hay không chính quyền địa phương và những người trên không nắm được. Tại đơn đề nghị thể hiện cháu Ph có nguyện vọng được ở cùng chị N.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Vũ Đình C;Về quan hệ con chung: Giao cháu Vũ Đình Ph cho chị Đinh Thị N nuôi dưỡng,

chăm sóc đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị N phải chịu án 300.000 đồng phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hgiải quyết việc hôn nhân của chị với anh Vũ Đình C, hiện anh C đang cư trú tại thành phố H. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Htheo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Vũ Đình C vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Đinh Thị N và anh Vũ Đình C được tự do tìm hiểu, tổ C đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến ngày 21 tháng 4 năm 2006 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố H. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp từ ngày 21/4/2006. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không có hạnh phúc. Tòa án triệu tập anh C nhiều lần, anh C đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không còn tình cảm với chị N nên không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị N xin ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ch, sinh ngày 22/9/1999, cháu Vũ Đình Ph, sinh ngày 09/01/2008. Hiện cháu Ch đã trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lo liệu cuộc sống nên chị N không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ph, nay vợ chồng ly hôn chị N xin được nuôi cháu Ph và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu Ph có nguyện vọng được ở với chị N. Do vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Ph cần giao cháu Ph cho chị N nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con, anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng không có công sức đóng góp đối với gia đình hai bên. Anh C không có quan điểm về vấn đề này mặc dù đã biết việc chị N làm đơn xin ly hôn và biết việc Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Vũ Đình C.

- *Về con chung:* Xử giao cho chị Đinh Thị N nuôi dưỡng con chung là Vũ Đình Ph, sinh ngày 09/01/2008 đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:*Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006904 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị N, vắng mặt anh C. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố H để lưu hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan